

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2023/DS-PT

Ngày 27 tháng 4 năm 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài
sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản
trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về
tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội,
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 18/2023/TLPT-DS
ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về
tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4179/2023/QĐ-PT ngày 10
tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lăng Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Trung K,
xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hoàng Hữu T, sinh năm 1969; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1971; có mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Văn Q, tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Ông Triệu Văn V, sinh năm 1970; vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Ông Lăng Văn B, sinh năm 1947; có mặt tại phiên tòa.

3.4. Anh Lăng Văn T1, sinh năm 1997; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung K, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S.

3.5. Chị Lăng Thị D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Mạn đường B, xã Mai S1, huyện Chi L, tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

3.6. Chị Lăng Thị T2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Địa P, xã Đồng T3, huyện Hữu L1, tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Triệu Văn V, ông Lăng Văn B, chị Lăng Thị D, chị Lăng Thị T2, anh Lăng Văn T1:* Bà Lăng Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Trung K, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S; có mặt tại phiên tòa.

3.7. Bà Hà Thị H2, sinh năm 1938. Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hà Thị H2: Bà Chu Bích T4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng S. Địa chỉ: Số 623 đường Bà T5, phường Đông K1, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng S; có mặt tại phiên tòa.

3.8. Chị Hoàng Thị Thanh H3, sinh năm 1993; vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Chị Hoàng Thu H4, sinh năm 1996; vắng mặt tại phiên tòa.

3.10. Chị Hoàng Ngọc B1, sinh năm 2003; vắng mặt tại phiên tòa.

3.11. Bà Đồng Thị T6, sinh năm 1972; có mặt tại phiên tòa.

3.12. Bà Hoàng Thị Nguyên H5, sinh năm 1960; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S.

3.13. Ông Hoàng Lê B2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 15/80, đường Ngô Q1, phường Vĩnh T7, thành phố Lạng S; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H2, chị Hoàng Thị Thanh H3, chị Hoàng Thu H4, chị Hoàng Ngọc B1, bà Đồng Thị T6, bà Hoàng Thị Nguyên H5, ông Hoàng Lê B2:* Ông Hoàng Hữu T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S; có mặt tại phiên tòa.

3.14. Bà Hà Thị A; vắng mặt tại phiên tòa.

3.15. Anh Hoàng Quang Đ1, sinh năm 1994; vắng mặt tại phiên tòa.

3.16. Chị Hoàng Thị T8; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S.

3.17. Anh Hoàng Mạnh G; địa chỉ: Khối Cửa Đ2, phường Chi L, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

3.18. Ông Hoàng Quang H6, sinh năm 1974; địa chỉ: Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng S; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị A, anh Hoàng Quang Đ1, chị Hoàng Thị T8, anh Hoàng Mạnh G, ông Hoàng Quang H6: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S; có mặt tại phiên tòa.*

3.19. Ông Hoàng Văn S2, sinh năm 1980; vắng mặt tại phiên tòa.

3.20. Bà Long Thị L2, sinh năm 1982; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Long Thị L2: Ông Hoàng Văn S2, sinh năm 1980; vắng mặt tại phiên tòa.*

Cùng địa chỉ: Thôn Phú N, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Diện tích đất tranh chấp do ông nội tên Lãng Khải L3 khai hoang và để lại cho bà Lãng Thị H từ năm 1988, địa danh là Lọ Nà K2- Pàn Đông Cấp K3. Các phía tiếp giáp như sau: Phía đông giáp rừng ông Hoàng Văn P1; phía tây giáp rừng ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; phía bắc giáp ruộng nhà ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; phía nam một bên giáp rừng ông Hoàng Văn P1, một bên giáp rừng ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; tại phiên tòa nguyên đơn khai phía nam đất tranh chấp trước đây là bãi đất trống người trong làng trồng sắn, khi nào gia đình bị đơn trồng hồi thì nguyên đơn không biết. Khi còn sống, ông Lãng Khải L3 trồng chè hết cả vườn và để một góc nhỏ giáp ruộng ông Phan Văn K3 đào hố làm đất nung ngói. Trước đây lò đóng ngói làm chỗ ông Hoàng Hữu T xây chuồng trại bây giờ, còn lò đun ngói thì ở chỗ sân nhà văn hóa thôn hiện nay nhưng đều đã bị phá bỏ. Các phía nam, đông, tây ông Lãng Khải L3 trồng một hàng rào cây gai Nam Là để rào vườn, chỉ phía bắc giáp ruộng mới không rào. Phía nam, trên hàng rào cây gai thì có một con đường mòn trâu bò đi lại để vào trong Lọ Nà K1. Hiện nay, ông Hoàng Hữu T, ông Hoàng Văn Đ đã phá hết hàng rào gai và san đường mòn, chỉ còn một ít cây gai và một đoạn đường mòn ở phía nam. Trước khi chết ông Lãng Khải L3 đã chia đất cho các con và cho cháu gái là Lãng Thị H do sống cùng ông bà từ bé và lấy rể theo phong tục tập quán địa phương, bố bà Lãng Thị H tên là Lãng Văn B không được chia đất do đã đi thoát ly. Năm 1995 bà Lãng Thị H có hỏi Trưởng thôn để kê khai giao đất giao rừng nhưng Trưởng thôn nói diện tích đất nhỏ không cần kê khai, vì vậy bà Lãng Thị H vẫn quản lý cho đến nay, chưa làm thủ tục kê khai cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất).

Từ năm 1988 đến năm 2017, bà Lăng Thị H chỉ chăm sóc, hái cây chè ông nội để lại, không trồng bổ sung, hiện nay đa số cây chè đã chết do già cỗi hoặc bị trâu bò phá. Bà Lăng Thị H có trồng rau trên phần đất giáp ruộng ông Phan Văn K3. Khoảng tháng 5/2017 bà Lăng Thị H bị tai nạn giao thông nên phải đi viện điều trị, ông Hoàng Hữu T mới lấy máy xúc để san ủi đất vườn của bà Lăng Thị H xuống ruộng. Khoảng 02 tháng sau bà mới biết ông Hoàng Hữu T san đất nhưng chỉ nói với hàng xóm là sẽ kiện ông Hoàng Hữu T. Năm 2018 ông Hoàng Hữu T lại lấy máy xúc san ủi đất lần 2, bà Lăng Thị H ngăn cản thì ông Hoàng Hữu T không làm nữa, năm 2019 ông Hoàng Hữu T tiếp tục lấy máy phát cỏ phát gần hết khu vườn, khoảng tháng 12/2020 thì ông Hoàng Hữu T xây chuồng trại trên mảnh vườn nên bà Lăng Thị H có sang nói ông Hoàng Hữu T nhưng ông Hoàng Hữu T vẫn tiếp tục xây nên bà Lăng Thị H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp.

Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Văn Q, tỉnh Lạng S đã xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 680,4m², trong đó có 415,6m² thuộc một phần thửa số 439 và 264,8m² thuộc một phần thửa số 440 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã Diêm H1, thuộc địa danh Nà K1 - Pàn Đông Cấp K2, thôn Nà H7 - Khòn H8 (nay là thôn Trung K), xã Diêm H1, huyện Văn Q. Tài sản trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn, khu chuồng trại xây bằng gạch ba banh do ông Hoàng Hữu T xây dựng năm 2020, 05 cây hồi, 12 cây chè (03 cây tái sinh, 09 cây tự mọc), 07 cây xoan và cây tạp khác. Bà Lăng Thị H cho rằng các cây hồi, cây xoan, cây tạp đều tự mọc, 03 cây chè tái sinh do ông Lăng Khải L3 trồng. Nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 680,4m² đất tranh chấp và tài sản là cây trồng, cây mọc tự nhiên trên phần đất này và yêu cầu các bị đơn di dời chuồng trại ra khỏi đất tranh chấp, yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Hoàng Hữu T, hộ ông Hoàng Văn Đ. Kết quả giám định tư pháp ngày 03/3/2022 xác định: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 147 đã được giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng ngày 12/4/1995, cấp Giấy CNQSD đất số Q 841808 ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2.

Sau khi có Quyết định chuyển thẩm quyền, ngày 22/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng S đã đi xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung xác định trên đất tranh chấp có 368,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, trên đất có 05 cây hồi, 12 cây chè (03 cây tái sinh, 09 cây tự mọc), 07 cây xoan và cây tạp khác, ông Hoàng Văn S2 cho rằng thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn S2. Ngày 05/9/2022 nguyên đơn Lăng Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 368,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1 và các tài sản là cây trồng trên phần đất này.

Nay nguyên đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 311,6m², trong đó có 46,8m² thuộc thửa 439 và 264,8m² thuộc thửa 440 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q tại địa chỉ: Nà K1, Pàn Đông – Cấp K2, thôn

Trung K, xã Diềm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S. Yêu cầu hủy GCNQSD đất số BH 455445 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 13/7/2011 cấp cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6; hủy GCNQSD đất số BH 455446 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A và hủy GCNQSD đất số Q841808, số vào sổ 0030 do UBND huyện Văn Q cấp ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2 liên quan đến diện tích đất 311,6m² nêu trên. Yêu cầu ông Hoàng Hữu T, ông Hoàng Văn Đ tháo dỡ di chuyển chuồng trại ra khỏi vị trí đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn gồm ông Lãng Văn B, chị Lãng Thị T2 có mặt tại phiên tòa, ông Triệu Văn V, chị Lãng Thị D, anh Lãng Văn T1 trong các bản khai điều trình bày thống nhất về nguồn gốc, quá trình canh tác diện tích đất tranh chấp như nguyên đơn đã trình bày, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lãng Thị H quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 311,6m² nêu trên và nhất trí các yêu cầu khác của nguyên đơn.

Bị đơn Hoàng Hữu T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H2, chị Hoàng Thị Thanh H3, chị Hoàng Thu H4, chị Hoàng Ngọc B1, bà Đồng Thị T6, bà Hoàng Thị Nguyên H5, ông Hoàng Lê B2 trình bày: Diện tích đất có địa danh tại Nà K1, thôn Trung K, xã Diềm H1 có nguồn gốc do ông cha để lại cho ông Hoàng Văn N1 (chết năm 1987) và bà Hà Thị H2, trên đất đã có các cây hồi cổ thụ. Năm 1995 bà Hà Thị H2 đã đăng ký kê khai và được Nhà nước giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng tại lô 147 diện tích 1,2ha, năm 2000 thì được cấp GCNQSD đất số Q841808, số vào sổ 0030 ngày 07/11/2000 mang tên hộ bà Hà Thị H2 thửa 147 diện tích 12.000m² tờ bản đồ giao đất giao rừng năm 1995. Thửa 147 trước đây gia đình bà Hà Thị H2 quản lý, sử dụng chung với gia đình ông Hoàng Văn N2 và ông Hoàng Văn B3 là anh em trong họ. Năm 2008 khi đo đạc lại bản đồ thì bà Hà Thị H2 đã tách phần đất cho ông Hoàng Văn B3 và ông Hoàng Văn N2 ra để các gia đình kê khai, cấp GCNQSD đất đối với phần đất của mình. Năm 2011 ông Hoàng Hữu T và Hoàng Văn Đ đã kê khai, cấp GCNQSD đất đối với thửa 439, 440 mang tên hộ ông Hoàng Hữu T, hộ ông Hoàng Văn Đ. Khoảng năm 2000 - 2003 thực hiện dự án PAM thì gia đình ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ đã trồng hồi bổ sung trên phần đất của gia đình, các cây hồi không trồng sát ruộng để lúa và hoa màu có thể mọc. Trong diện tích đất tranh chấp có 368,8m² là đất của gia đình Hoàng Văn S2 (con ông Hoàng Văn B3), bà Lãng Thị H đã rút yêu cầu khởi kiện nên ông Hoàng Hữu T không có ý kiến gì. Năm 2017 ông Hoàng Hữu T san đất để làm trang trại, chỉ san một lần vào năm 2017, gia đình bà Lãng Thị H có biết nhưng không ý kiến gì. Năm 2020 khi ông Hoàng Hữu T xây trang trại thì bà Lãng Thị H mới ngăn cản và lấy cuộc để khoanh khu đất tranh chấp và cuộc bật gốc 05 cây hồi.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Hoàng Hữu T không nhất trí yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 46,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q. Ông Hoàng Hữu T xin rút yêu cầu phản tố về việc buộc bà Lăng Thị H phải bồi thường thiệt hại số tiền là 6.275.000 đồng. Về việc cấp GCNQSD đất, do đo đạc bản đồ mới nên năm 2011 ông Hoàng Hữu T kê khai và được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSD đất số BH 455445 ngày 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Hữu T bà Đồng Thị T6, chưa thu hồi GCNQSD đất số Q841808, cấp ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2, vì vậy ông Hoàng Hữu T đề nghị hủy GCNQSD đất số Q841808, số vào sổ 0030 cấp ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2 và tự nguyện cùng các thành viên trong gia đình đi kê khai điều chỉnh lại GCNQSD đất. Về tài sản trên đất là chuồng trại ông Hoàng Hữu T xây dựng trên thửa 440 đã được sự nhất trí của ông Hoàng Văn Đ nên ông Hoàng Hữu T không nhất trí di dời tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn Hoàng Văn Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị A, anh Hoàng Quang Đ1, chị Hoàng Thị T8, anh Hoàng Mạnh G, ông Hoàng Quang H6 trình bày: Nguồn gốc, quá trình canh tác, quản lý sử dụng đất như ông Hoàng Hữu T đã trình bày. Khoảng tháng 3/2017 thì 4 anh em gồm Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Lê B2, Hoàng Quang H6 thuê máy xúc san đất từ chỗ cây hồi xuống ruộng để làm mặt bằng xây dựng chuồng trại. Lúc đó bà Lăng Thị H có biết và có xem nhưng không có ý kiến gì. Năm 2019 ông Hoàng Hữu T xây dựng nhà kho, tháng 12/2020 thì xây chuồng trại thì phát sinh tranh chấp. Bà Lăng Thị H lấy cuộc xềng lên cuộc rãnh ngăn lấy phần đất đang tranh chấp. Ông Hoàng Văn Đ không nhất trí các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu được quản lý phần diện tích đất tranh chấp 264,8m² thuộc một phần thửa 440 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q. Về việc cấp GCNQSD đất, năm 2011 ông Hoàng Văn Đ kê khai và được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSD đất số số BH455446 ngày 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A đối với thửa 440 tờ bản đồ số 01 nhưng chưa thu hồi GCNQSD đất số Q841808, số vào sổ 0030 cấp ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2, vì vậy ông Hoàng Văn Đ đề nghị hủy GCNQSD đất số Q841808, số vào sổ 0030 cấp ngày 07/11/2000 cho hộ bà Hà Thị H2 và tự nguyện cùng các thành viên trong gia đình đi kê khai điều chỉnh lại GCNQSD đất. Về tài sản trên đất có chuồng trại của ông Hoàng Hữu T xây trên thửa 440, ông Hoàng Văn Đ nhất trí để ông Hoàng Hữu T tiếp tục quản lý, sử dụng và không buộc phải di dời tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà Hà Thị A, anh Hoàng Quang Đ1, chị Hoàng Thị T8 tại các bản khai đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của ông Hoàng Văn Đ, không có yêu cầu độc lập, yêu cầu giải quyết cho ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A được tiếp tục quản lý, sử dụng đất tranh chấp thuộc thửa 440. Bà Đồng Thị T6, chị Hoàng Thị Thanh H3,

chị Hoàng Thu H4, chị Hoàng Ngọc B1 tại các bản khai đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của ông Hoàng Hữu T, không có yêu cầu độc lập, đề nghị giải quyết cho ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6 được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 439. Bà Hà Thị H2 trình bày nguồn gốc đất này bà Hà Thị H2 đã được Nhà nước giao đất giao rừng năm 1995, được cấp GCNQSD đất năm 2000 và đã giao cho các con quản lý, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Hoàng Hữu T, ông Hoàng Văn Đ3 quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất, không nhất trí các yêu cầu của nguyên đơn. Ông Hoàng Lê B2, ông Hoàng Quang H6, bà Hoàng Thị Nguyên H5 thống nhất với trình bày của các bị đơn, không có yêu cầu độc lập, yêu cầu giải quyết cho ông Hoàng Hữu T được tiếp tục quản lý, sử dụng đất tranh chấp thuộc thửa 439, giải quyết cho ông Hoàng Văn Đ tiếp tục được quản lý, sử dụng đất tranh chấp thuộc thửa 440.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn S2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Long Thị L2 trình bày: Nguồn gốc đất do ông cha khai hoang và để lại cho ông Hoàng Văn S2. Đầu năm 2022 ông Hoàng Văn S2 được ông Hoàng Hữu T thông báo phần diện tích đất tranh chấp với bà Lăng Thị H có một phần đất và tài sản trên đất của ông Hoàng Văn S2. Khi xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung, ông Hoàng Văn S2 mới biết phần diện tích đất của gia đình mình nằm ở vị trí tranh chấp và được cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Hữu T. Nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp 368,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1 thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Hoàng Văn S2 nên ông Hoàng Văn S2 không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Văn Q tại công văn số 402/UBND-TNMT ngày 21/3/2022, công văn số 1037/UBND-TNMT ngày 10/8/2022 và bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp trình bày: Năm 1995 hộ bà Hà Thị H2 đã được UBND huyện Văn Q giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng đối với thửa đất số 147, diện tích 1,2ha. Tuy nhiên tài liệu lưu trữ không thể hiện số, ngày tháng năm của Quyết định giao đất giao rừng, không thể hiện cụ thể ranh giới, vị trí tiếp giáp trên hồ sơ (sổ Bìa xanh). Đến năm 2000, hộ bà Hà Thị H2 được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSD đất số Q 841808, số vào sổ 0030, ngày cấp 07/11/2000 đối với thửa đất trên, việc cấp GCNQSD đất đảm bảo đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Năm 2011, sau khi đo đạc lại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, ông Hoàng Hữu T và ông Hoàng Văn Đ là con trai bà Hà Thị H2 đã đứng tên chủ sử dụng đất kê khai cấp GCNQSD đất đối với thửa 439 và 440, ngày 13/7/2011 UBND huyện Văn Q đã cấp GCNQSD đất số BH 455445, số vào sổ CH 00331 đối với thửa 439 cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6; cấp GCNQSD đất số BH 455446, số vào sổ CH

00253 cho hộ ông Hoàng Văn Đ và bà Hà Thị A. Địa danh đất tranh chấp là Nà K1, quy hoạch đất rừng sản xuất. Qua xem xét lại hồ sơ cấp GCNQSD đất thừa đất số 439 cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6 và thửa đất số 440 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A cho thấy việc UBND huyện Văn Q cấp mới GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ là chưa đảm bảo đúng quy định nên đề nghị xem xét hủy GCNQSD đất cấp cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6 và GCNQSD đất cấp cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A nêu trên.

Lời khai những người làm chứng:

Ông Triệu Văn T9, Triệu Văn L4, Triệu Văn L5, Bà Triệu Thị H9, ông Lăng Văn H10, ông Phùng Văn D1, bà Vy Thị H11, bà Hoàng Thị M, ông Triệu Văn K5, Đàm Văn S3, Phan Văn P2, bà Hoàng Thị H12 đều xác nhận nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Lăng Khải L3, trước đây thấy cụ Lăng Khải L3 trồng chè, sau khi cụ Lăng Khải L3 chết năm 1988 thì bà Lăng Thị H trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất trên. Ông Lăng Văn H10, ông Phùng Văn D1, bà Vy Thị H11 khẳng định các phía tiếp giáp: Trên giáp rừng Phan Văn P2, phải giáp rừng Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; trái giáp rừng Phan Văn P2, dưới giáp ruộng Phan Văn K3. Ông Triệu Văn L4 cho rằng trên giáp rừng ông Phan Văn P2, Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; phải giáp Hoàng Văn Đ, trái giáp ao, ruộng của Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ; dưới giáp khe; những người khác ko biết ranh giới như thế nào. Ông Triệu Văn T9 khẳng định năm 2008 ông Triệu Văn T9 là Trưởng thôn có được dẫn cán bộ đo đạc đi đo đạc và xác định khu đất này của bà Lăng Thị H nhưng không biết sao trên bản đồ lại thể hiện đất của gia đình bà Hà Thị H2, ông có nói với bà Lăng Thị H là diện tích đất chỉ là chấm nhỏ trên bản đồ nên không cần kê khai, chỉ cần quản lý theo hương ước. Ông Phan Văn P2, bà Hoàng Thị H12 trình bày trước đây phần rừng phía trên đất tranh chấp là của gia đình bà Hoàng Thị H12 nhưng do không quản lý được nên từ năm 1995 đã thuộc quyền quản lý của gia đình ông Hoàng Văn B3 (bố của anh Hoàng Văn S2).

Ông Hoàng Văn N2, bà Hoàng Thị R, Hoàng Thị H13 (là bác, chú của bị đơn) trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông cha để lại cho vợ chồng bà Hà Thị H2. Khoảng năm 1988 bố, mẹ chia cho ông Hoàng Văn N1 (đã chết), chia bằng miệng, không có giấy tờ gì, không có ai tranh chấp. Bà Hà Thị H2 đã cấp sổ Bìa xanh từ năm 1995, sau đó năm 2000 bà H9 được cấp GCNQSD đất. Sau đó bà Hà Thị H2 đã chia đất cho các con, năm 2011 Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ đã được cấp GCNQSD đất đối với khu rừng này. Từ trước trên rừng có cây hời do các cụ trồng, ngoài ra còn có chè trồng thành khóm rải rác trong rừng, hiện nay trên đất vẫn còn có những cây hời này và còn lác đác vài cây chè. Từ trước đến nay chưa bao giờ thấy gia đình bà Lăng Thị H đến canh tác, trước đây thỉnh thoảng có ông Lăng Khải L3 đến xin hái chè.

Ông Hoàng Văn K6, Hoàng Văn H14: Trước đây từ những năm 1985 - 1990 đã được giúp gia đình ông Hoàng Hữu T cày bừa trên ruộng và được biết trên ruộng là bãi đất trống, qua bãi đất là rừng hời nhà ông Hoàng Hữu T, chưa từng thấy gia đình bà Lăng Thị H canh tác ở bãi đất trống. Ông Hoàng S4 trình bày trước năm 1965 có ở nhờ nhà bà Hà Thị H2 và giúp canh tác trên ruộng, phía trên ruộng là bãi đất, rừng hời nhà ông Hoàng Văn N1, từ năm 1965 đến nay ông Hoàng S4 đi bộ đội và thoát ly nên không qua lại khu vực này. Bà Vy Thị P3, ông Hoàng Văn S2, là vợ và con rể ông Phan Văn K3 (đã chết) có đất ruộng giáp ranh đất tranh chấp trình bày không rõ đất tranh chấp là của ai vì không thường xuyên canh tác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng S đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 5; khoản 2, 6, 9 Điều 26; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 5 Điều 157; Điều 158; khoản 1, 5 Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 2, Điều 33 Luật đất đai năm 1993; Điều 46, khoản 3, 4 Điều 49, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 26, 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 163, 164 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 311,6m², trong đó có 46,8m² thuộc thửa 439 và 264,8m² thuộc thửa 440 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S.

1.1. Hộ ông Hoàng Hữu T và bà Đồng Thị T6 được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 46,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1 tại địa danh Nà K1, thôn Trung K, xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S, được xác định bởi các cạnh có các điểm DD₁P₁P trên sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo, ký hiệu là S1.2, nằm trong GCNQSD đất số BH 455445, số vào sổ CH 00331, do UBND huyện Văn Q, tỉnh Lạng S cấp ngày 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Hữu T và bà Đồng Thị T6.

1.2. Hộ ông Hoàng Văn Đ và bà Hà Thị A được quản lý, sử dụng diện tích đất 264,8m² thuộc một phần thửa 440 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, tại địa danh Nà K1, thôn Trung K, xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S, được xác định bởi các cạnh có các điểm DEFGHKLMNOP trên sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo, ký hiệu là S2, nằm trong GCNQSD đất số BH 455446, số vào sổ CH 00253, do UBND huyện Văn Q, tỉnh Lạng S cấp ngày 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Văn Đ và bà Hà Thị A. Trên đất có chuồng trại thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6; ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A có quyền

yêu cầu ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6 di dời chuồng trại ra khỏi đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình theo quy định của pháp luật.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lăng Thị H về việc yêu cầu các bị đơn di dời chuồng trại ra khỏi đất tranh chấp.

1.4. Buộc bà Lăng Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn chấm dứt toàn bộ hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu tại mục 1.1, 1.2 nêu trên.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lăng Thị H đối với diện tích đất 368,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, tại địa danh Nà K1, thôn Trung K, xã Diêm H1, huyện Văn Q, tỉnh Lạng S, được xác định bởi các cạnh có các điểm ABCD₁P₁QRS trên sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo, ký hiệu là S1.1. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Hữu T yêu cầu bà Lăng Thị H bồi thường thiệt hại số tiền là 6.275.000 đồng. Ông Hoàng Hữu T có quyền khởi kiện lại thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 841808, số vào sổ 0030, do UBND huyện Văn Q, tỉnh Lạng S cấp ngày 07/11/2000 cấp cho hộ bà Hà Thị H2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; án phí; nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2022, nguyên đơn là bà Lăng Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lăng Khải L3 khai hoang và trồng chè từ trước đến nay, năm 1988 ông Lăng Khải L3 chết và để lại vườn chè này cho bà là cháu gái, được đa số người làm chứng xác nhận; gia đình nguyên đơn đã quản lý, canh tác liên tục vườn chè này và trồng rau trên một phần đất từ trước đến nay, hiện nay trên đất vẫn còn chứng tích tài sản là các gốc chè tái sinh của gia đình. Ông Hoàng Hữu T san ủi lấn chiếm đất vườn nhà tôi, lợi dụng tôi bị tai nạn năm 2017 đã chiếm đất của tôi. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Hà Thị H2 năm 2000, cần phải được xem xét lại vì tài liệu lưu trữ không thể hiện số, ngày tháng năm của Quyết định giao đất giao rừng, không thể hiện cụ thể ranh giới, vị trí tiếp giáp trên hồ sơ (sổ Bìa xanh); qua xem xét lại hồ sơ cấp GCNQSD đất thửa đất số 439 cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6 và thửa đất số 440 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A cho thấy việc UBND huyện Văn Q cấp mới GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ là chưa đảm bảo đúng quy định nên UBND huyện Văn Q đã đề nghị xem xét hủy GCNQSD đất cấp cho

hộ ông Hoàng Hữu T nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu các bên dừng tranh chấp để tôi kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H15 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha khai phá và để lại cho vợ chồng bà Hà Thị H2. Gia đình bà Hà Thị H2 đã quản lý thường xuyên, liên tục, năm 1995 gia đình bà Hà Thị H2 đã được giao đất giao rừng tại thửa 147 diện tích 1,2ha tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp 1995 xã Văn An (nay là xã Diêm H1, huyện Văn Q), năm 2000 được cấp GCNQSD đất số Q 841808 thửa 147 diện tích 12.000m², năm 2011 thì ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ đã kê khai và được cấp GCNQSD đất đối với hai thửa mới là 439 và 440. Trình bày của bà Lăng Thị H về các phía tiếp giáp không giống như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, hiện nay hàng rào gai cũng không còn nên không chứng minh được quá trình quản lý, canh tác đất tranh chấp. Lời khai của những người làm chứng không rõ ràng về đất tranh chấp nên không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng phúc thẩm nghị án thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo và xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung kháng cáo:

Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các quyết định giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm

sát tham dự phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; đã xác định đúng, đủ thành phần những người tiến hành tố tụng; đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND huyện Văn Q, tỉnh Lạng S vắng mặt không có lý do; tuy nhiên, đại diện UBND huyện Văn Q đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện Văn Q đã có quan điểm rõ ràng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét thấy, việc vắng mặt đại diện UBND huyện Văn Q, tỉnh Lạng S không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện UBND huyện Văn Q, như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[1.3] Các bên đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 11/01/2022, xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 22/6/2022 và kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn, không có khiếu nại, kiến nghị gì. Ngày 05/9/2022, nguyên đơn Lăng Thị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp 368,8m² thuộc một phần thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1 cùng toàn bộ tài sản trên phần đất này, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, đánh giá, nhận định như sau:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp, nguyên đơn cho rằng đất do ông cha để lại nhưng không có căn cứ chứng minh. Từ năm 1988 đến nay bà Lăng Thị H chưa kê khai, chưa được giao đất giao rừng và chưa được cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này. Ngoài phần đất này, bà Lăng Thị H có quản lý đất rừng, ruộng, vườn khác và đều đã được cấp GCNQSD đất. Bà Lăng Thị H trình bày không đi kê khai là do Trưởng thôn nói diện tích đất này nhỏ không cần kê khai, ông Triệu Văn T9 là Trưởng thôn có thừa nhận việc đó, tuy nhiên việc đăng ký kê khai sử dụng đất đai là nghĩa vụ của người sử dụng đất, bà Lăng Thị H không đăng ký sử dụng đất, không kê khai cấp GCNQSD đất là không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993, 2003, 2013.

[3.2] Các bị đơn khai đất ông cha để lại, không có giấy tờ gì về tặng cho, thừa kế nhưng năm 1995 bà Hà Thị H2 (mẹ các bị đơn) đã đăng ký và được Nhà

nước giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng đối với thửa 147 diện tích 1,2ha, năm 2000 được cấp GCNQSD đất thửa 147 diện tích 12.000m². Hồ sơ kê khai giao đất giao rừng và cấp GCNQSD đất thửa 147 đúng với hiện trạng đất đang quản lý, các phía tiếp giáp đều có chữ ký của các hộ giáp ranh. Năm 2008 bà Hà Thị H2 chia đất cho các thành viên cùng sử dụng đất (ông Hoàng Văn N2 01 phần, nhà bà Hà Thị H2 01 phần, anh Hoàng Văn S2 01 phần). Các gia đình đều đã kê khai lại và được cấp GCNQSD đất năm 2011. Từ năm 1995 đến nay không có ai khiếu nại việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà Hà Thị H2 và ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ nên việc gia đình bị đơn đăng ký sử dụng đất đai, kê khai cấp GCNQSD đất là hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai như cấp sơ thẩm đã nhận định.

[3.3] Nguyên đơn trình bày phía nam đất tranh chấp một phần giáp rừng hồi ông Hoàng Hữu T, một phần giáp rừng ông Phan Văn P2 có con đường mòn là ranh giới, ông Lăng Khải L3 đã trồng cây gai Nam Là quanh đất để ngăn trâu bò qua lại. Tuy nhiên, hiện nay hiện trạng còn một góc phía đông có dấu vết đường mòn và có một vài cây gai Nam Là mọc trong đất tranh chấp, không thành hàng rào; giáp đường mòn có 03 cây hồi to và 02 cây hồi nhỏ (nằm trong đất tranh chấp). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày phía nam đất tranh chấp trước đây là bãi đất trống do người trong làng trồng sắn, không biết gia đình bị đơn trồng hồi lúc nào trên phần đất này. Ông Phan Văn P2 và bà Hoàng Thị H12 là mẹ ông Phan Văn P2 đều khẳng định phần đất rừng phía trên đất tranh chấp (thuộc thửa 439) từ năm 1995 đã do gia đình ông Hoàng Văn B3 là bố của anh Hoàng Văn S2 quản lý. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng nguyên đơn quản lý thường xuyên, hàng năm đều thu hái chè và trồng rau trên đất tranh chấp.

[3.4] Về quá trình quản lý, canh tác, nguyên đơn trình bày khi còn sống ông Lăng Khải L3 đã trồng chè thành hàng trên toàn bộ khu vườn, từ năm 1988 đến 2017 nguyên đơn chỉ quản lý và hái chè do ông nội để lại, có trồng rau trên một phần đất, ngoài ra không trồng gì khác. Từ 2017 đến nay thì nguyên đơn không trồng rau nữa và cũng không thu hái chè do bị đơn đã san ủi đất và các cây chè cũng đã chết gần hết. Tại thời điểm năm 2017 khi bà Lăng Thị H biết các bị đơn san ủi đất, bà Lăng Thị H không trình báo với chính quyền địa phương, không có biên bản giải quyết việc tranh chấp mà đến năm 2020 khi ông Hoàng Hữu T xây chuồng trại thì bà Lăng Thị H mới đến ngăn cản và yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp. Hiện nay trên đất tranh chấp phần nằm trong diện tích S1.1 thuộc thửa 439 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q chỉ có 05 cây hồi, 07 cây xoan, 12 cây chè và các cây gỗ tạp. Nguyên đơn trình bày các cây hồi mọc tự nhiên nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định 03 cây hồi to nằm trong đất tranh chấp tương ứng các cây hồi phía trên ngoài ranh giới đất tranh chấp, phù hợp với lời khai của phía bị đơn là do gia đình bà Hà Thị H2 trồng. Đối với 12 cây chè trên đất tranh chấp bà Lăng

Thị H trình bày có 03 cây chè tái sinh trước đây do ông Lăng Khải L3 trồng, 09 cây chè tự mọc. Qua xem xét thăm định tại chỗ thấy bên ngoài đất tranh chấp cũng có một số cây chè tự mọc nên không đủ căn cứ để xác định phía nguyên đơn đã quản lý, canh tác ổn định, thường xuyên, liên tục trên đất tranh chấp.

[4] Như vậy, nguyên đơn không chứng minh được nguồn gốc đất, không có giấy tờ pháp lý liên quan đến diện tích đất tranh chấp, mặc dù lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng do nguyên đơn đề nghị triệu tập nhưng từ năm 1988 đến nay nguyên đơn không đi kê khai, không đăng ký sử dụng đất là không chấp hành nghĩa vụ của người sử dụng đất. Về quá trình canh tác, phía nguyên đơn không chứng minh được mình có quá trình quản lý, canh tác sử dụng đất thường xuyên liên tục. Hiện nay trên đất chỉ có các cây chè nguyên đơn khai do ông nội trồng, tuy nhiên xung quanh đó có các cây chè tự mọc, ngoài phần đất tranh chấp cũng có một số cây chè khác nên không có căn cứ xác định các cây chè đều do ông Lăng Khải L3 trồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xem xét cho các bị đơn quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp, trong đó hộ ông Hoàng Hữu T được quản lý, sử dụng diện tích đất 46,8m² thuộc thửa 439, hộ ông Hoàng Văn Đ được quản lý, sử dụng 264,8m² đất thuộc thửa 440 tờ bản đồ số 01 xã Diêm H1, huyện Văn Q là có căn cứ.

[5] Về các tài sản trên đất tranh chấp hiện nay chỉ có chuồng trại, nhà kho. Các bị đơn đều thống nhất trình bày nhà kho, chuồng trại là của gia đình ông Hoàng Hữu T xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa 440 đã được cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn Đ và bà Hà Thị A. Tuy nhiên ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A nhất trí để ông Hoàng Hữu T quản lý và sử dụng nhà kho, không buộc phải di dời. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn di dời tài sản trên đất tranh chấp là có căn cứ.

[6] Về việc cấp GCNQSD đất cho hộ bà Hà Thị H2 và hộ ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ thấy rằng: Năm 2000, bà Hà Thị H2 đứng tên chủ hộ gia đình kê khai và được cấp GCNQSD đất số Q841808 ngày 07/11/2000. Việc cấp GCNQSD đất số Q841808 đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng, đúng ranh giới theo sổ bìa xanh bà Hà Thị H2 được cấp năm 1995 nhưng không tiến hành đo đạc lại diện tích, không xác minh chủ sử dụng đất thực tế. Năm 2008 khi đo đạc lại bản đồ lâm nghiệp, bà Hà Thị H2 đã chia tách đất cho các con, ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ đã đứng tên chủ hộ gia đình kê khai và được UBND huyện Văn Q cấp GCNQSD đất số BH 455445, số vào sổ CH 00331, ngày cấp 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Hữu T, bà Đồng Thị T6; GCNQSD đất số BH 455446, số vào sổ CH 00253, ngày cấp 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Văn Đ, bà Hà Thị A. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Hữu T và bà Đồng Thị T6, hộ ông Hoàng Văn Đ và bà Hà Thị A được thực hiện theo thủ tục đăng ký kê khai cấp mới GCNQSD đất (không làm thủ tục tặng cho từ bà Hà Thị H2 sang

các con), UBND huyện Văn Q không thu hồi GCNQSD đất số Q841808 cấp ngày 07/11/2000 cấp cho hộ bà Hà Thị H2 là không đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Hà Thị H2 và 05 người con gồm Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ, Hoàng Thị Nguyên H5, Hoàng Lê B2, Hoàng Quang H6 đều thừa nhận năm 2008 bà Hà Thị H2 đã chia đất cho ông Hoàng Hữu T, Hoàng Văn Đ và đồng ý cho các bị đơn kê khai, cấp GCNQSD đất nên cần hủy GCNQSD đất số Q841808 cấp ngày 07/11/2000 cấp cho hộ bà Hà Thị H2. Đối với GCNQSD đất số BH 455445, số vào sổ CH 00331, ngày cấp 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Hữu T bà Đồng Thị T6 và GCNQSD đất số BH 455446, số vào sổ CH 00253, ngày cấp 13/7/2011 cho hộ ông Hoàng Văn Đ bà Hà Thị A mặc dù cấp không đúng trình tự thủ tục nhưng đúng đối tượng, đúng vị trí nên không cần thiết phải hủy như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Hữu T yêu cầu bà Lăng Thị H bồi thường thiệt hại 60kg hồi và 05 cây hồi con bị chặt với tổng số tiền là 6.275.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông Hoàng Hữu T xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Hữu T là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét cụ thể.

[8] Với những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá việc Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[9] Về án phí: Nguyên đơn bà Lăng Thị H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Lăng Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2]. Về án phí: Bà Lăng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006022 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[3]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THA dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài